

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Điều hành	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7 - 8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 48

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314524981 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hỗ trợ dịch vụ tài chính và hoạt động tư vấn quản lý.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Phòng số 3, Tầng 12, Tòa nhà Vinamilk Tower, Số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thiên Trúc	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018
Ông Huỳnh Thanh Lâm	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018
Ông Lars Kjaer	Thành viên	bổ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018
Ông Trần Việt Hùng	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Thảo	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018
Ông Đặng Xuân Vinh	Thành viên	từ nhiệm ngày 24 tháng 3 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Ngọc Sang	Trưởng Ban	bổ nhiệm ngày 26 tháng 11 năm 2018
Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2018
Bà Đỗ Thị Kim Chung	Thành viên	bổ nhiệm ngày 21 tháng 11 năm 2018

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thiên Trúc	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018
Ông Trần Việt Hùng	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018
	Giám đốc Cung ứng	bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2018
Ông Nguyễn Thảo	Giám đốc Tài chính	bổ nhiệm ngày 8 tháng 10 năm 2018
Ông Hoàng Văn Minh	Giám đốc Nhân sự	bổ nhiệm ngày 26 tháng 12 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thiên Trúc	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018
Ông Trần Việt Hùng	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 30 tháng 3 năm 2018

Ông Trần Việt Hùng được Tổng Giám đốc ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo Giấy Ủy quyền số 001-UQ/AIG-2019 ngày 19 tháng 3 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Việt Hùng
Giám đốc Cung ứng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 2 tháng 4 năm 2019

Số tham chiếu: 61417868/20572613-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 2 tháng 4 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 49, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam



Ernest Yoong Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1891-2018-004-1



Lương Kim Diên An
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2736-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 2 tháng 4 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.603.843.551.879	90.345.030.783
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	352.812.651.253	90.001.280.783
111	1. Tiền		83.351.574.828	1.280.783
112	2. Các khoản tương đương tiền		269.461.076.425	90.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	6	672.728.352.044	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		672.728.352.044	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		722.362.465.769	343.750.000
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	628.501.225.457	-
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	39.269.045.407	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	55.910.755.424	343.750.000
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.1	(1.318.560.519)	-
140	IV. Hàng tồn kho	9	839.679.272.546	-
141	1. Hàng tồn kho		840.727.560.267	-
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.048.287.721)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		16.260.810.267	-
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	5.056.903.339	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.523.799.951	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	680.106.977	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		732.708.140.730	143.094.000
210	I. Phải thu dài hạn		6.490.396.041	140.094.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	6.490.396.041	140.094.000
220	II. Tài sản cố định		357.409.597.323	-
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	352.046.759.773	-
222	Nguyên giá		558.258.534.813	-
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(206.211.775.040)	-
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	5.362.837.550	-
228	Nguyên giá		7.199.457.545	-
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.836.619.995)	-
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	13	131.343.002.816	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		131.343.002.816	-
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		1.000.000.000	3.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		-	3.000.000
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.000.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		236.465.144.550	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	236.465.144.550	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.336.551.692.609	90.488.124.783

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		938.731.903.223	73.156.867.750
310	I. Nợ ngắn hạn		846.400.908.286	73.156.867.750
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	404.459.782.945	-
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	5.262.092.851	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	26.815.755.848	-
314	4. Phải trả người lao động		155.171.385	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	53.951.209.222	1.099.717.750
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		7.222.674.332	57.150.000
320	7. Vay ngắn hạn	17	281.884.616.086	72.000.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		66.649.605.617	-
330	II. Nợ dài hạn		92.330.994.937	-
338	1. Vay dài hạn	17	64.362.399.702	-
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	26.3	26.596.075.235	-
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		1.372.520.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.397.819.789.386	17.331.257.033
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.397.819.789.386	17.331.257.033
411	1. Vốn cổ phần	18.1	1.706.012.980.000	18.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.706.012.980.000	18.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	18.1	174.000.000.000	-
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	18.1	295.025.640	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	18.1	8.909.000.306	-
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)	18.1	63.980.919.221	(668.742.967)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước		(668.742.967)	-
421b	- Lợi nhuận (lỗ) năm nay		64.649.662.188	(668.742.967)
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	19	444.621.864.219	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.336.561.692.609	90.488.124.783

Vũ Minh Đức
Người lập

Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Trần Việt Hùng
Giám đốc Cung ứng

Ngày 2 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 19 tháng 7 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	3.793.231.428.305	-
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	(11.704.139.858)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	3.781.527.288.447	-
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21, 25	(3.037.263.488.882)	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		744.263.799.565	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	66.521.525.024	432.988.514
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	22	(24.423.863.400) (17.727.079.059)	(1.099.717.750) (1.099.717.750)
25	8. Chi phí bán hàng	23, 25	(142.743.915.182)	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23, 25	(507.814.181.010)	(2.013.731)
30	10. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		135.803.364.997	(668.742.967)
31	11. Thu nhập khác	24	138.572.572.591	-
32	12. Chi phí khác	24	(462.759.037)	-
40	13. Lợi nhuận khác	24	138.109.813.554	-
50	14. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		273.913.178.551	(668.742.967)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.2	(73.614.285.236)	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	26.3	(178.540.587)	-
60	17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		200.120.352.728	(668.742.967)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 19 tháng 7 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017
61	18. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của công ty mẹ		93.399.156.961	(668.742.967)
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		106.721.195.767	-
70	20. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	18.5	570	(817)
71	21. Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	18.5	570	(817)



Vũ Minh Đức
Người lập

Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng

Trần Việt Hùng
Giám đốc Cung ứng

Ngày 2 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 19 tháng 7 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		273.913.178.551	(668.742.967)
	Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại và lãi từ giao dịch mua rẻ)		196.054.660.214	-
03	Các khoản dự phòng		614.122.619	-
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	20.2	(1.521.949.820)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(60.080.223.421)	(432.988.514)
06	Chi phí lãi vay	22	17.727.079.059	1.099.717.750
08	Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		426.706.867.202	(2.013.731)
09	Tăng (giảm) các khoản phải thu		19.387.838.682	(483.844.000)
10	Tăng hàng tồn kho		(427.527.891.870)	-
11	Tăng các khoản phải trả		111.004.519.619	57.150.000
12	Tăng chi phí trả trước		(17.467.765.938)	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(17.278.115.125)	-
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(64.889.029.407)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.216.094.981)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		25.720.328.182	(428.707.731)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(168.205.669.110)	-
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		277.572.727	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(123.725.307.001)	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.487.184.724.130)	(3.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		7.330.000.000	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		45.007.324.490	432.988.514
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(1.726.500.803.024)	429.988.514

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 19 tháng 7 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017
31	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền thu từ nhận vốn góp vốn của chủ sở hữu		1.874.262.980.000	18.000.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	17	1.264.679.343.951	72.000.000.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	17	(1.165.815.585.875)	-
36	Cổ tức đã trả		(10.125.340.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.963.001.398.076	90.000.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		262.220.923.234	90.001.280.783
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		90.001.280.783	-
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		590.447.236	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	352.812.651.253	90.001.280.783


Vũ Minh Đức
Người lập


Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng




Trần Việt Hùng
Giám đốc Cung ứng

Ngày 2 tháng 4 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0314524981 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Nhóm Công ty là hỗ trợ dịch vụ tài chính, hoạt động tư vấn quản lý.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Phòng số 3, Tầng 12, Tòa nhà Vinamilk Tower, Số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 834 (31 tháng 12 năm 2017: 4).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp và ba (3) công ty con gián tiếp, trong đó:

▶ *Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu ("ACC")*

ACC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0304918352 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 4 năm 2007 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó. ACC có trụ sở chính tại Lô K4B, Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, Đường số 4, Xã Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng đại diện đăng ký tại Tầng 11, Tòa nhà Vinamilk, Số 10 đường Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, ACC cũng có các chi nhánh tại Thành phố Hà Nội, Tỉnh Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Cần Thơ. Hoạt động chính trong năm hiện tại của ACC là cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm và bánh kẹo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty nắm 96,34% phần vốn chủ sở hữu và 96,34% quyền biểu quyết trong ACC.

▶ *Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn ("AFI")*

AFI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3700916876 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 7 tháng 5 năm 2008 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. AFI có trụ sở chính tại Lô C-9E-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của AFI là sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty nắm 64,01% phần vốn chủ sở hữu và 64,01% quyền biểu quyết trong AFI.

▶ *Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu ("ACP")*

ACP là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1300975859 Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp ngày 19 tháng 12 năm 2014, và các GCNĐKDN điều chỉnh. ACP có trụ sở chính tại Lô EI-2, EI-3, EI-4, Khu Công nghiệp Giao Long, giai đoạn II, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của ACP là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa) phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty nắm 73,42% phần vốn chủ sở hữu và 73,42% quyền biểu quyết trong ACP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp và ba (3) công ty con gián tiếp, trong đó: (tiếp theo)

▶ **Công ty Cổ phần APIS ("APIS")**

APIS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0312705358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014, và các GCNĐKDN điều chỉnh. APIS có trụ sở chính tại Lô số 18A VSIP II - A, đường số 27, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II - A, Xã Vĩnh Tân, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của APIS là sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty nắm 76,96% phần vốn chủ sở hữu và 76,96% quyền biểu quyết trong APIS.

▶ **Công ty TNHH Thực phẩm AFC ("AFC")**

AFC là một công ty công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3702533540 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 10 tháng 2 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh. AFC có trụ sở chính tại Lô C-9F-CN, Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của AFC là sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty nắm 100% phần vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong AFC.

▶ **Công ty Cổ phần Sản xuất Hương liệu Êch Vàng ("GF")**

GF là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKDN số 0302536319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 7 tháng 2 năm 2002 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. GF có trụ sở chính tại số 31 Đường số 8, Khu Công nghiệp Việt Nam Singapore, Khu phố Bình Đáng, Phường Bình Hòa, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của GF là sản xuất hương liệu và tinh dầu tự nhiên cho ngành công nghiệp thực phẩm và giải khát; và chiết xuất tinh chất phục vụ việc sản xuất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty nắm giữ 49,7% phần vốn chủ sở hữu và 51,6% quyền biểu quyết trong GF.

▶ **Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu ("AIC")**

AIC là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313428499 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 9 năm 2015 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. AIC có trụ sở chính tại Phòng số 4 tầng 12, Tòa nhà Vinamilk Tower, số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính trong năm hiện tại của AIC là bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty nắm giữ 96,2% phần vốn chủ sở hữu và 99,84% quyền biểu quyết trong AIC.

▶ **Công ty Asia Chemical Corporation (ACC) Pte. Ltd (ACC PTE)**

ACC PTE là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Singapore theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 201756070K do Cơ quan Kế toán và Doanh nghiệp Singapore cấp ngày 15 tháng 12 năm 2017. ACC PTE có trụ sở tại #08 - 03 Tòa nhà Cecil Court, số 138 Đường Cecil, Singapore. Hoạt động chính trong năm hiện tại của ACC PTE là tư vấn doanh nghiệp và quản lý; kinh doanh buôn bán chung (bao gồm xuất nhập khẩu chung).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty nắm giữ 96,3% phần vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong ACC PTE.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán năm đầu tiên bắt đầu từ ngày 19 tháng 7 năm 2017 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Thông tin so sánh

Công ty chỉ hợp nhất các công ty con trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, do đó, báo cáo tài chính hợp nhất đã không được phát hành riêng biệt cho kỳ kế toán từ ngày 19 tháng 7 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Theo đó, dữ liệu so sánh chỉ bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 19 tháng 7 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, - chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.
dụng cụ

Hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền

Thành phẩm - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v..) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài khoản quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình khi Nhóm Công ty nắm giữ đất này để sử dụng trong sản xuất, kinh doanh cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê và Nhóm Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng không thời hạn thì không khấu hao.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	4 - 10 năm
Khác	4 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	49 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả, theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh số 4 được Nhóm Công ty ghi nhận toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của ACC PTE được lập theo đồng tiền khác với đồng tiền VND của Nhóm công ty. Báo cáo chuyển đổi của ACC PTE được xác định theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục được phân loại là tài sản và nợ phải trả được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế bình quân tại ngày lập báo cáo tài chính;
- Khoản mục vốn điều lệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày có giao dịch;
- Khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá của các khoản mục tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; và
- Các khoản mục thuộc báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế bình quân trong kỳ kế toán năm.

Tỷ giá thực tế bình quân tại ngày lập báo cáo tài chính là bình quân tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty con thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá thực tế bình quân tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 23.200 VND/USD.

Tỷ giá thực tế bình quân trong năm tài chính được xác định dựa trên bình quân của tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty con thường xuyên có giao dịch tại đầu và cuối mỗi tháng của tất cả các tháng trong năm tài chính. Tỷ giá thực tế bình quân trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 23.003 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc chuyển đổi báo cáo được trình bày tại khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" - Mã số 417 trong vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

4.1 Mua Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu ("ACC")

Vào ngày 31 tháng 1 năm 2018, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc mua 18.124.958 cổ phiếu của ACC với tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 670.622.746.000 VND, tương đương 73,4% tỷ lệ sở hữu trong ACC.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của ACC tại ngày mua được trình bày dưới đây:

*Giá trị hợp lý được xác định
tại ngày mua*
VND

Tài sản

Tài sản cố định hữu hình	72.969.247.924
Tài sản cố định vô hình	4.686.368.037
Đầu tư tài chính dài hạn	146.153.571.000
Tài sản dài hạn khác	51.341.897.411
Tiền và tương đương tiền	14.753.860.042
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	398.678.774.600
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	324.359.235.852
Hàng tồn kho	267.533.191.053
Tài sản ngắn hạn khác	37.556.914.434
	1.318.033.060.353

Nợ phải trả

Nợ ngắn hạn	154.438.452.242
Vay ngắn hạn	72.889.832.532
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	7.088.257.887
Dự phòng phải trả dài hạn	932.235.000
	235.348.777.661

Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý

1.082.684.282.692

Cổ đông không kiểm soát

287.559.215.287

Tổng tài sản thuần được hợp nhất, 73,4%

795.125.067.405

Lãi từ giao dịch mua rẻ phát sinh từ hợp nhất kinh doanh

(124.502.321.405)

Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh

670.622.746.000

Kể từ ngày hợp nhất, ACC đã đóng góp các khoản doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế vào doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 lần lượt là 2.241.419.774.467 VND và 173.477.565.534 VND.

4.2 Mua thêm sở hữu vào ACC

Trong năm, Nhóm Công ty đã mua thêm 5.561.774 cổ phiếu, tương đương 22,9% sở hữu vào ACC từ cổ đông không nắm quyền kiểm soát. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty tại ACC tăng từ 73,4% lên 96,34%.

Ảnh hưởng do các thay đổi tỷ lệ sở hữu trong ACC phát sinh từ nghiệp vụ trên đây được hạch toán tăng vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền là 9.332.193.579 VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (tiếp theo)

4.3 Hợp nhất kinh doanh Công ty Cổ phần Sản xuất Hương liệu Éch Vàng (“GF”) thông qua việc mua ACC

Vào ngày 31 tháng 1 năm 2018, ACC có công ty con là GF với tỷ lệ quyền biểu quyết của ACC tại công ty này là 51,6%. Theo đó, công ty con này cũng chính thức trở thành công ty con sở hữu gián tiếp của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của GF tại ngày mua được trình bày dưới đây:

*Giá trị hợp lý được xác định
tại ngày mua*
VND

Tài sản	
Tài sản cố định hữu hình	23.991.636.473
Tài sản cố định vô hình	1.359.156.000
Tài sản dài hạn khác	18.523.901.804
Tiền và tương đương tiền	22.760.766.699
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	39.931.366.337
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	19.339.415.911
Hàng tồn kho	30.002.915.699
Tài sản ngắn hạn khác	13.312.512.204
	169.221.671.127
Nợ phải trả	
Nợ ngắn hạn	28.938.737.584
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	2.627.096.464
Dự phòng phải trả dài hạn	621.250.000
	32.187.084.048
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý	137.034.587.079
Cổ đông không kiểm soát	85.105.162.493
Tổng tài sản thuần được hợp nhất, 37,9%	51.929.424.586
Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	18.026.418.981
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	69.955.843.567

Kể từ ngày hợp nhất, GF đã đóng góp các khoản doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế vào doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 lần lượt là 222.426.669.561 VND và 40.861.128.356 VND.

4.4 Mua thêm sở hữu vào GF thông qua việc mua thêm ACC

Tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong GF tăng 11,8% thông qua việc Nhóm Công ty đã mua thêm 22,9% vào ACC từ cổ đông không nắm quyền kiểm soát. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty tại GF tăng từ 37,9% lên 49,7%.

Ảnh hưởng do các thay đổi tỷ lệ sở hữu trong GF phát sinh từ nghiệp vụ trên đây được hạch toán giảm vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền là 2.062.900.085 VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (tiếp theo)

4.5 Hợp nhất kinh doanh Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu (“AIC”) thông qua việc mua ACC

Vào ngày 31 tháng 1 năm 2018, ACC có công ty con là AIC với tỷ lệ quyền biểu quyết của ACC tại công ty này là 99,2%. Theo đó, công ty con này cũng chính thức trở thành các công ty con sở hữu gián tiếp của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của AIC tại ngày mua được trình bày dưới đây:

*Giá trị hợp lý được xác định
tại ngày mua*
VND

Tài sản	
Tài sản cố định hữu hình	1.248.482.421
Tài sản dài hạn khác	568.735.028
Tiền và tương đương tiền	22.497.246.307
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	27.900.964.511
Hàng tồn kho	24.054.352.556
Tài sản ngắn hạn khác	3.313.661.281
	79.583.442.104
Nợ phải trả	
Nợ ngắn hạn	17.302.689.009
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27.528.555
	17.330.217.564
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý	62.253.224.540
Cổ đông không kiểm soát	16.910.267.642
Tổng tài sản thuần được hợp nhất, 72,8%	45.342.956.898
Lãi từ giao dịch mua rẻ phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	(6.960.926.179)
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	38.382.030.719

Kể từ ngày hợp nhất, AIC đã đóng góp các khoản doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế vào doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 lần lượt là 217.366.032.309 VND và 4.906.055.753 VND.

4.6 Mua thêm sở hữu vào AIC thông qua việc mua thêm ACC

Vào ngày 14 tháng 3 năm 2018, ACC đã mua thêm 30.000 cổ phiếu, tương đương 0,67% sở hữu vào AIC từ cổ đông không nắm quyền kiểm soát. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của ACC tại AIC tăng từ 99,18% lên 99,84%. Ngoài ra, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong AIC tăng 22,9% thông qua việc Nhóm Công ty đã mua thêm 22,9% sở hữu từ cổ đông không nắm quyền kiểm soát của ACC trong năm. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty tại AIC tăng từ 72,8% lên 96,2%.

Ảnh hưởng do các thay đổi tỷ lệ sở hữu trong AIC phát sinh từ các nghiệp vụ trên đây được hạch toán tăng vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền là 3.124.596.520 VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (tiếp theo)

4.7 Hợp nhất kinh doanh Công ty Asia Chemical Corporation (ACC) Pte. Ltd (“ACC PTE”) thông qua việc mua ACC

Vào ngày 5 tháng 4 năm 2018, ACC đã góp vốn vào công ty con là ACC PTE với tỷ lệ quyền biểu quyết của ACC tại công ty này là 100%. Theo đó, công ty con này cũng chính thức trở thành các công ty con sở hữu gián tiếp của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của ACC PTE tại ngày mua được trình bày dưới đây:

*Giá trị hợp lý được xác định
tại ngày mua*
VND

Tài sản	
Tiền và tương đương tiền	15.959.911.308
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.782.777.600
	17.742.688.908
Nợ phải trả	
Nợ ngắn hạn	1.453.914.097
	1.453.914.097
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý	16.288.774.811
Cổ đông không kiểm soát	4.326.272.559
	11.962.502.252
Tổng tài sản thuần được hợp nhất, 73,4%	11.962.502.252
Lãi từ giao dịch mua rẻ phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	(226.030.313)
	11.736.471.939

Kể từ ngày hợp nhất, ACC PTE đã đóng góp các khoản doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế vào doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 lần lượt là 15.523.021.928 VND và 1.561.571.469 VND.

4.8 Mua thêm sở hữu vào ACC PTE thông qua việc mua thêm ACC

Tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong ACC PTE tăng 22,9% thông qua việc Nhóm Công ty đã mua thêm 22,9% vào ACC từ cổ đông không nắm quyền kiểm soát. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty tại ACC PTE tăng từ 73,4% to 96,3%.

Ảnh hưởng do các thay đổi tỷ lệ sở hữu trong ACC PTE phát sinh từ nghiệp vụ trên đây được hạch toán tăng vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền là 365.323.362 VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (tiếp theo)

4.9 Mua Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn (“AFI”)

Vào ngày 29 tháng 1 năm 2018, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc mua 7.270.000 cổ phiếu của AFI với tổng giá phí là 474.004.000.000 VND, tương đương 59,4% tỷ lệ sở hữu trong AFI.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của AFI tại ngày mua được trình bày dưới đây:

*Giá trị hợp lý được xác định
tại ngày mua*
VND

Tài sản	
Tài sản cố định hữu hình	125.209.401.951
Xây dựng cơ bản dở dang	484.089.884
Tài sản dài hạn khác	41.562.323.882
Tiền và tương đương tiền	173.397.449.996
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	142.822.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	127.558.871.484
Hàng tồn kho	46.603.011.435
Tài sản ngắn hạn khác	7.808.650.640
	665.445.799.272
Nợ phải trả	
Nợ ngắn hạn	96.354.266.335
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	9.803.358.445
	106.157.624.780
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý	559.288.174.492
Cổ đông không kiểm soát	227.096.587.192
Tổng tài sản thuần được hợp nhất, 59,4%	332.191.587.300
Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	141.812.412.700
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	474.004.000.000

Kể từ ngày hợp nhất, AFI đã đóng góp các khoản doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế vào doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 lần lượt là 629.167.203.589 VND và 106.225.027.280 VND.

4.10 Mua thêm sở hữu vào AFI

Trong năm, Nhóm Công ty đã mua thêm 565.000 cổ phiếu, tương đương 4,6% sở hữu vào AFI từ cổ đông không nắm quyền kiểm soát. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty tại AFI tăng từ 59,4% lên 64,01%.

Ảnh hưởng do các thay đổi tỷ lệ sở hữu trong AFI phát sinh từ nghiệp vụ trên đây được hạch toán giảm vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền là 6.946.810.308 VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (tiếp theo)

4.11 Hợp nhất kinh doanh Công ty TNHH Thực phẩm AFC ("AFC") thông qua việc mua AFI

Vào ngày 29 tháng 1 năm 2018, AFI có công ty con là AFC với tỷ lệ quyền biểu quyết của AFI tại công ty này là 100%. Theo đó, công ty con này cũng chính thức trở thành các công ty con sở hữu gián tiếp của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của AFC tại ngày mua được trình bày dưới đây:

*Giá trị hợp lý được xác định
tại ngày mua*
VND

Tài sản

Xây dựng cơ bản dở dang	606.027.273
Tài sản dài hạn khác	27.590.839.600
Tiền	211.102.986
Tài sản ngắn hạn khác	18.051.092.328
	46.459.062.187

Nợ phải trả

Nợ ngắn hạn	85.148.139
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	2.011.316.027
	2.096.464.166

Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý

Cổ đông không kiểm soát	18.013.244.458
	26.349.353.563

Tổng tài sản thuần được hợp nhất, 59,4%

Lãi từ giao dịch mua rẻ phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	(4.478.770.230)
	21.870.583.333

Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh

Kể từ ngày hợp nhất, AFC đã đóng góp khoản lỗ thuần trong lợi nhuận trước thuế của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 2.095.647.443 VND.

4.12 Mua thêm sở hữu vào AFC

Vào ngày 17 tháng 4 năm 2018, Nhóm Công ty đã mua thêm 0,5% sở hữu vào AFI từ cổ đông không nắm quyền kiểm soát. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty vào AFC tăng từ 59,4% lên 59,9% vào ngày này. Ngoài ra, vào ngày 22 tháng 4 năm 2018, Nhóm Công ty mua toàn bộ phần vốn góp trong AFC từ AFI. Theo đó, AFC chính thức trở thành các công ty con sở hữu trực tiếp của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

Ảnh hưởng do các thay đổi tỷ lệ sở hữu trong AFC phát sinh từ các nghiệp vụ trên đây được hạch toán tăng vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền là 3.305.091.890 VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (tiếp theo)

4.13 Mua Công ty Cổ phần Chế biến dứa Á Châu (“ACP”)

Vào ngày 1 tháng 2 năm 2018, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc mua 9.040.000 cổ phiếu của ACP với tổng giá phí là 232.328.000.000 VND, tương đương 73% tỷ lệ sở hữu trong ACP.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của ACP tại ngày mua được trình bày dưới đây:

*Giá trị hợp lý được xác định
tại ngày mua*
VND

Tài sản	
Tài sản cố định hữu hình	91.215.865.811
Tài sản cố định vô hình	102.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	47.806.505.244
Tài sản dài hạn khác	36.152.510.400
Tiền và tương đương tiền	82.737.717.229
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.460.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	8.151.996.412
Hàng tồn kho	10.598.342.824
Tài sản ngắn hạn khác	12.341.887.031
	291.566.824.951
Nợ phải trả	
Nợ ngắn hạn	47.742.103.456
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.144.411.037
Vay dài hạn	54.626.251.877
	103.512.766.370
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý	188.054.058.581
Cổ đông không kiểm soát	50.735.101.427
Tổng tài sản thuần được hợp nhất, 73%	137.318.957.154
Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	95.009.042.846
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán	232.328.000.000

Kể từ ngày hợp nhất, ACP đã đóng góp các khoản doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế vào doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 lần lượt là 143.451.779.709 VND và 10.500.157.723 VND.

4.14 Mua thêm sở hữu vào ACP

Trong năm, Nhóm Công ty đã mua thêm 50.000 cổ phiếu, tương đương 0,4% sở hữu vào ACP từ cổ đông không nắm quyền kiểm soát. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty tại ACP tăng từ 73% lên 73,4%.

Ảnh hưởng do các thay đổi tỷ lệ sở hữu trong ACP phát sinh từ nghiệp vụ trên đây được hạch toán giảm vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền là 487.702.931 VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (tiếp theo)

4.15 Mua Công ty Cổ phần APIS ("APIS")

Vào ngày 16 tháng 4 năm 2018, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc mua 2.577.300 cổ phiếu của APIS với tổng giá phí là 64.432.500.000 VND, tương đương 57,3% tỷ lệ sở hữu trong APIS.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của APIS tại ngày mua được trình bày dưới đây:

*Giá trị hợp lý được xác định
tại ngày mua*
VND

Tài sản	
Tài sản cố định hữu hình	24.034.836.685
Tài sản dài hạn khác	51.855.597.796
Tiền	2.950.937.203
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	105.776.866.589
Hàng tồn kho	33.852.691.655
Tài sản ngắn hạn khác	9.995.554.290
	228.466.484.218
Nợ phải trả	
Nợ ngắn hạn	95.702.863.390
Vay ngắn hạn	47.567.973.303
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	4.192.619.072
Vay dài hạn	299.200.000
	147.762.655.765
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý	80.703.828.453
Cổ đông không kiểm soát	34.482.055.770
Tổng tài sản thuần được hợp nhất, 57,3%	46.221.772.683
Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	18.210.727.317
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	64.432.500.000

Kể từ ngày hợp nhất, APIS đã đóng góp các khoản doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế vào doanh thu và lợi nhuận thuần trước thuế của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 lần lượt là 312.172.806.884 VND và 4.971.344.899 VND.

4.16 Mua thêm sở hữu vào APIS

Trong năm, Nhóm Công ty đã mua thêm 2.425.400 cổ phiếu, tương đương 19,7% sở hữu vào APIS từ cổ đông không nắm quyền kiểm soát. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty tại APIS tăng từ 57,3% lên 77%.

Ảnh hưởng do các thay đổi tỷ lệ sở hữu trong APIS phát sinh từ nghiệp vụ trên đây được hạch toán giảm vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối với số tiền là 10.830.199.130 VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Tiền mặt	2.208.552.233	-
Tiền gửi ngân hàng	81.143.022.595	1.280.783
Các khoản tương đương tiền	<u>269.461.076.425</u>	<u>90.000.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>352.812.651.253</u>	<u>90.001.280.783</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất từ 4,4%/năm đến 5,5%/năm.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn với kỳ hạn gốc trên ba (3) tháng nhưng dưới mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 5,1%/năm đến 7,8%/năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

7.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	142.393.370.229	-
Các khách hàng khác	<u>486.107.855.228</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>628.501.225.457</u>	<u>-</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(1.318.560.519)</u>	<u>-</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>627.182.664.938</u>	<u>-</u>

Như được trình bày tại Thuyết minh số 17, Nhóm Công ty đã dùng một phần khoản phải thu khách hàng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Nhóm Công ty.

7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
Công ty Cổ Phần Đại Nam	18.396.938.784	-
Các người bán khác	<u>20.872.106.623</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>39.269.045.407</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Đặt cọc mua cổ phần (*)	25.000.000.000	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	12.847.574.909	343.750.000
Tạm ứng cho nhân viên	9.224.889.621	-
Ký quỹ ngắn hạn	7.041.762.565	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.796.528.329	-
	55.910.755.424	343.750.000
TỔNG CỘNG		
Dài hạn		
Ký quỹ dài hạn	6.358.311.481	140.094.000
Phải thu dài hạn khác	132.084.560	-
	6.490.396.041	140.094.000
TỔNG CỘNG		

(*) Số dư thể hiện khoản đặt cọc cho ông Nguyễn Việt Hùng theo hợp đồng mua cổ phần Á Châu Hoa Sơn ngày 26 tháng 12 năm 2018 liên quan đến việc nhận chuyển nhượng 4.420.000 cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết (tương ứng với 65% vốn điều lệ) vào Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn (Thuyết minh số 29).

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	425.051.907.267	-
Hàng đang đi trên đường	219.339.915.235	-
Thành phẩm	127.535.780.195	-
Nguyên vật liệu	54.549.950.972	-
Công cụ dụng cụ	7.442.662.348	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.305.895.924	-
Hàng gửi đi bán	4.501.448.326	-
	840.727.560.267	-
TỔNG CỘNG		
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.048.287.721)	-
	839.679.272.546	-
GIÁ TRỊ THUẦN		

Như được trình bày tại Thuyết minh số 17, Nhóm Công ty đã dùng một phần hàng tồn kho làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Nhóm Công ty.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	VND	
	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 19 tháng 7 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017
Số đầu năm	-	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	1.172.292.804	-
Dự phòng trích lập trong năm	676.872.363	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(800.877.446)	-
	1.048.287.721	-
Số cuối năm		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND</i> <i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	2.050.846.488	-
Phí mua bảo hiểm trả trước	329.826.129	-
Chi phí thuê văn phòng	239.868.810	-
Khác	2.436.361.912	-
TỔNG CỘNG	5.056.903.339	-
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	222.290.810.140	-
Thiết bị và chi phí cải tạo văn phòng	5.063.743.708	-
Công cụ, dụng cụ	3.100.893.819	-
Chi phí bảo trì	2.857.561.179	-
Chi phí tư vấn	410.250.553	-
Khác	2.741.885.151	-
TỔNG CỘNG	236.465.144.550	-

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyên	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	-	-	-	-	-	-
Mua mới	30.328.964.175	13.766.195.422	9.468.486.937	8.056.788.893	-	61.620.435.427
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	3.417.347.293	3.168.002.781	3.578.694.545	343.688.062	-	10.507.732.681
Tặng do mua công ty con	204.823.768.832	190.913.479.761	84.736.697.421	7.559.734.897	171.678.536	488.205.359.447
Thanh lý	-	(35.835.455)	(1.985.157.287)	-	-	(2.020.992.742)
Khác	(54.000.000)	-	-	-	-	(54.000.000)
Số cuối năm	238.516.080.300	207.811.842.509	95.798.721.616	15.960.211.852	171.678.536	558.258.534.813
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	2.793.613.399	5.857.748.081	14.532.906.832	5.060.949.688	171.678.536	28.416.896.536
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số đầu năm	-	-	-	-	-	-
Khấu hao trong năm	15.173.905.041	23.249.911.054	15.709.667.379	5.964.714.278	-	60.098.197.752
Tặng do mua công ty con	27.600.278.604	79.015.670.633	23.283.784.173	17.796.177.186	171.678.536	147.867.589.132
Thanh lý	(139.987.116)	(28.867.441)	(1.585.157.287)	-	-	(1.754.011.844)
Số cuối năm	42.634.196.529	102.236.714.246	37.408.294.265	23.760.891.464	171.678.536	206.211.775.040
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	195.881.883.771	105.575.128.263	58.390.427.351	(7.800.679.612)	-	352.046.759.773

Như được trình bày tại Thuyết minh số 17, Nhóm Công ty đã sử dụng nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng với giá trị còn lại tương ứng là 67.004.421.861 VND, 43.820.839.172 VND, 2.552.178.085 VND và 766.498.836 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i> <i>Phần mềm máy tính</i>		<i>VND</i> <i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	-	-	-
Tăng do mua công ty con	4.641.936.098	3.747.492.653	8.389.428.751
Thanh lý	<u>(1.189.971.206)</u>	<u>-</u>	<u>(1.189.971.206)</u>
Số dư cuối năm	<u>3.451.964.892</u>	<u>3.747.492.653</u>	<u>7.199.457.545</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số dư đầu năm	-	-	-
Hao mòn trong năm	54.040.802	810.652.470	864.693.272
Tăng do mua công ty con	1.327.942.839	833.955.090	2.161.897.929
Thanh lý	<u>(1.189.971.206)</u>	<u>-</u>	<u>(1.189.971.206)</u>
Số dư cuối năm	<u>192.012.435</u>	<u>1.644.607.560</u>	<u>1.836.619.995</u>
Giá trị còn lại:			
Số dư đầu năm	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Số dư cuối năm	<u>3.259.952.457</u>	<u>2.102.885.093</u>	<u>5.362.837.550</u>

Như được trình bày tại Thuyết minh số 17, Nhóm Công ty đã dùng quyền sử dụng đất với giá trị là 570.000.000 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Nhóm Công ty.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Số cuối năm</i>	<i>VND</i> <i>Số đầu năm</i>
Mua sắm tài sản	130.103.200.602	-
Phát triển phần mềm	633.774.941	-
Khác	<u>606.027.273</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>131.343.002.816</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND
DSM Nutritional Products Asia Pacific Pte Ltd.	55.038.006.780	-
Unilever Asia Private Limited	49.014.090.315	-
Các nhà cung cấp khác	300.407.685.850	-
TỔNG CỘNG	404.459.782.945	-

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
		VND:
Albrosco Ltd	557.880.000	-
Xiamen Gold Coconut King Co., Ltd	1.003.019.808	-
Người mua trả tiền trước khác	3.701.193.043	-
TỔNG CỘNG	5.262.092.851	-

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng do mua công ty con	Tăng trong năm	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	13.225.101.417	73.614.285.236	18.915.616	(64.889.029.407)	21.969.272.862
Thuế thu nhập cá nhân	-	4.910.326.290	25.722.493.110	-	(27.524.165.015)	3.108.654.385
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	5.482.850.005	35.213.040.825	-	(39.583.397.680)	1.112.493.150
Thuế nhập khẩu	-	15.269.858	78.945.395.876	-	(79.174.637.051)	(213.971.317)
Thuế khác	-	-	244.390.397	-	(85.190.606)	159.199.791
TỔNG CỘNG	-	23.633.547.570	213.739.605.444	18.915.616	(211.256.419.759)	26.135.648.871
Trong đó:	-	-	-	-	-	26.815.755.848
Thuế phải nộp	-	-	-	-	-	680.106.977
Thuế nộp thừa	-	-	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương mềm và lương tháng 13	41.995.239.323	-
Chi phí hỗ trợ bán hàng	7.666.285.991	-
Lãi vay	1.548.681.684	1.099.717.750
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.741.002.224	-
TỔNG CỘNG	53.951.209.222	1.099.717.750

17. VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.1)	272.827.682.786	72.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17.2)	9.056.933.300	-
	<u>281.884.616.086</u>	<u>72.000.000.000</u>
Vay dài hạn		
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.2)	64.362.399.702	-
TỔNG CỘNG	346.247.015.788	72.000.000.000

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay như sau:

	VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Số đầu năm	72.000.000.000	-	72.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	1.210.375.453.533	54.303.890.418	1.264.679.343.951
Tăng do mua công ty con	120.457.805.835	54.925.451.877	175.383.257.712
Phân loại sang vay dài hạn đến hạn trả	9.056.933.300	(9.056.933.300)	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.130.005.576.582)	(35.810.009.293)	(1.165.815.585.875)
Số cuối năm	<u>281.884.616.086</u>	<u>64.362.399.702</u>	<u>346.247.015.788</u>

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Nhóm Công ty sử dụng khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn	Lãi suất %/năm	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam	116.160.477.088	Từ ngày 8 tháng 10 năm 2018 đến ngày 20 tháng 3 năm 2019	5,7 - 6,94	Tài trợ vốn lưu động	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1263, Khu dân cư 8B, Khu Đô thị mới Nam Sông Cần Thơ, Huyện Cái Răng, Thành phố Cần Thơ; hàng hóa trong kho trị giá 125.000.000.000 VND; các khoản phải thu khách hàng trị giá 125.000.000.000 VND.
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	149.299.913.092	Từ ngày 8 tháng 10 năm 2018 đến ngày 28 tháng 3 năm 2019	5,45 - 5,9	Tài trợ vốn lưu động	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 1262, Khu dân cư 8B, Khu Đô thị mới Nam Sông Cần Thơ, Huyện Cái Răng, Thành phố Cần Thơ; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa số 35, Lô K4B, Ấp Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh; phải thu khách hàng trị giá 135.000.000.000 VND và hàng tồn kho trị giá 135.000.000.000 VND.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	7.367.292.606	Từ ngày 11 tháng 9 năm 2018 đến ngày 25 tháng 3 năm 2019	5,8	Tài trợ vốn lưu động	Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có
	272.827.682.786				

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY (tiếp theo)

17.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn	Lãi suất %/năm	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	73.419.333.002	Từ ngày 6 tháng 6 năm 2017 đến ngày 6 tháng 6 năm 2024	8,4	Mua dây chuyền, máy móc cho dự án sản phẩm nước dứa đóng hộp và tài trợ vốn lưu động	Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có

73.419.333.002

Trong đó:

Vay dài hạn	9.056.933.300
đến hạn trả	64.362.399.702
Vay dài hạn	

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Chi tiết vốn cổ phần

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán từ ngày 19 tháng 7 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017						
Vốn góp chủ sở hữu	18.000.000.000	-	-	-	-	18.000.000.000
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(668.742.967)	(668.742.967)
Số cuối năm	18.000.000.000	-	-	-	(668.742.967)	17.331.257.033
Năm nay						
Số đầu năm	18.000.000.000	-	-	-	(668.742.967)	17.331.257.033
Tăng vốn (*)	1.688.012.980.000	174.000.000.000	-	-	-	1.862.012.980.000
Tăng do mua công ty con	-	-	-	-	(4.245.940.272)	(4.245.940.272)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	93.399.156.961	93.399.156.961
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	8.909.000.306	(8.909.000.306)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(11.140.054.042)	(11.140.054.042)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(4.454.500.153)	(4.454.500.153)
Chênh lệch do chuyển đổi sang VND	-	-	295.025.640	-	-	295.025.640
Số cuối năm	1.706.012.980.000	174.000.000.000	295.025.640	8.909.000.306	63.980.919.221	1.953.197.925.167

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Trong năm, Công ty có các khoản tăng vốn cổ phần, với chi tiết như sau:

- (i) Vào ngày 29 tháng 12 năm 2017, theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 05/2017/NQ-ĐHĐCĐ, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua việc phát hành và chào bán 2.233.637 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán 137.766.363 cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư mới để tăng vốn cổ phần. Việc chào bán cổ phần riêng lẻ này được chấp thuận của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh tại Thông báo số 0132/ĐKKD-TNXL vào ngày 5 tháng 1 năm 2018 và Thông báo số 982269/TB-SKHĐT vào ngày 12 tháng 1 năm 2018.

Việc phát hành trên đã được hoàn thành vào ngày 5 tháng 2 năm 2018 với tổng số cổ phiếu mới được phát hành cho cổ đông hiện hữu và nhà đầu tư mới là 137.695.176 cổ phiếu với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 18.000.000.000 VND lên thành 1.394.951.760.000 VND.

Vào ngày 13 tháng 2 năm 2018, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp GCNDKDN điều chỉnh lần thứ 2 cho việc tăng vốn nói trên.

- (ii) Vào ngày 10 tháng 4 năm 2018, theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 03/2018/NQ-ĐHĐCĐ, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua việc phát hành và chào bán 9.261.621 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần.

Việc phát hành trên đã được hoàn thành vào ngày 3 tháng 5 năm 2018 với tổng số cổ phiếu mới được phát hành cho cổ đông hiện hữu là 9.261.621 cổ phiếu với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 1.394.951.760.000 VND lên thành 1.487.567.970.000 VND.

Vào ngày 8 tháng 5 năm 2018, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp GCNDKDN điều chỉnh lần thứ 4 cho việc tăng vốn nói trên.

- (iii) Vào ngày 27 tháng 6 năm 2018, theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 04/2018/NQ-ĐHĐCĐ, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua việc phát hành và chào bán 6.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho một nhà đầu tư mới để tăng vốn cổ phần. Việc chào bán cổ phần riêng lẻ này được chấp thuận của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh tại Thông báo số 03830/ĐKKD-TNXL vào ngày 28 tháng 6 năm 2018 và Thông báo số 659918/TB-SKHĐT vào ngày 6 tháng 7 năm 2018.

Việc phát hành trên đã được hoàn thành vào ngày 31 tháng 7 năm 2018 với tổng số cổ phiếu mới được phát hành cho nhà đầu tư mới là 6.000.000 cổ phiếu với mức giá phát hành là 39.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 1.487.567.970.000 VND lên thành 1.547.567.970.000 VND.

Vào ngày 2 tháng 8 năm 2018, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp GCNDKDN điều chỉnh lần thứ 5 cho việc tăng vốn nói trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Trong năm, Công ty có các khoản tăng vốn cổ phần, với chi tiết như sau: (tiếp theo)

(iv) Vào ngày 1 tháng 11 năm 2018, theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông số 08/2018/NQ-ĐHĐCĐ, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua việc phát hành và chào bán 10.603.923 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán 5.240.578 cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư mới để tăng vốn cổ phần. Việc chào bán cổ phần riêng lẻ này được chấp thuận của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh tại Thông báo số 6807/ĐKKD-TNXL vào ngày 1 tháng 11 năm 2018.

Việc phát hành trên đã được hoàn thành vào ngày 17 tháng 11 năm 2018 với tổng số cổ phiếu mới được phát hành cho cổ đông hiện hữu và nhà đầu tư mới là 15.844.501 cổ phiếu với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 1.547.567.970.000 VND lên thành 1.706.012.980.000 VND.

Vào ngày 22 tháng 11 năm 2018, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp GCNDKDN điều chỉnh lần thứ 6 cho việc tăng vốn.

18.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Vốn cổ phần (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Nguyễn Thiên Trúc	701.790.480.000	41,14	-	-
Nguyễn Bảo Tùng	288.746.730.000	16,93	-	-
PENM III GERMANY GMBH & CO.KG	229.039.570.000	13,43	-	-
Các cổ đông khác	486.436.200.000	28,50	18.000.000.000	100
TỔNG CỘNG	1.706.012.980.000	100	18.000.000.000	100

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 19 tháng 7 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	18.000.000.000	-
Tăng trong năm	1.688.012.980.000	18.000.000.000
Số cuối năm	1.706.012.980.000	18.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.4 Cổ phiếu

	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu được phép phát hành	170.601.298	1.800.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	170.601.298	1.800.000
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	170.601.298	1.800.000

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

18.5 Lãi trên cổ phiếu

Bảng biểu sau đây thể hiện dữ liệu được dùng để tính lãi trên cổ phiếu:

	<i>Năm nay</i>	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 19 tháng 7 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	93.399.156.961	(668.742.967)
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi	(15.594.554.195)	-
Lợi nhuận (lỗ) thuần phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	77.804.602.766	(668.742.967)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	136.479.954	818.630
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VND) <i>(Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu)</i>	570	(817)

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

19. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 19 tháng 7 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
Số đầu năm	-	-
Tăng do mua công ty con	665.851.265.386	-
Tăng do góp thêm vốn vào công ty con	12.250.000.000	-
Mua thêm từ lợi ích cổ đông không kiểm soát	(327.147.529.628)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	106.721.195.767	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.927.727.306)	-
Cổ tức chia cho cổ đông không kiểm soát	(10.125.340.000)	-
Số cuối năm	444.621.864.219	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	VND Cho kỳ kế toán từ ngày 19 tháng 7 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017
Doanh thu gộp	3.793.231.428.305	-
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	2.781.694.031.935	-
<i>Doanh thu bán hàng thành phẩm</i>	1.011.374.755.985	-
<i>Doanh thu cho thuê</i>	83.645.455	-
<i>Doanh thu bán phế liệu</i>	78.994.930	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	(11.704.139.858)	-
Hàng bán bị trả lại	(11.202.997.030)	-
Giảm giá hàng bán	(501.142.828)	-
Doanh thu thuần	<u>3.781.527.288.447</u>	<u>-</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	2.769.989.892.077	-
<i>Doanh thu bán hàng thành phẩm</i>	1.011.374.755.985	-
<i>Doanh thu cho thuê</i>	83.645.455	-
<i>Doanh thu bán phế liệu</i>	78.994.930	-

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	VND Cho kỳ kế toán từ ngày 19 tháng 7 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017
Lãi tiền gửi	59.669.631.592	432.988.514
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.329.943.612	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.521.949.820	-
TỔNG CỘNG	<u>66.521.525.024</u>	<u>432.988.514</u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	VND Cho kỳ kế toán từ ngày 19 tháng 7 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017
Giá vốn hàng hóa	2.222.408.539.409	-
Giá vốn hàng thành phẩm	814.854.949.473	-
TỔNG CỘNG	<u>3.037.263.488.882</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Cho kỳ kế toán từ ngày 19 tháng 7 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Năm nay	
Lãi tiền vay	17.727.079.059	1.099.717.750
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.426.076.651	-
Chi phí khác	270.707.690	-
TỔNG CỘNG	24.423.863.400	1.099.717.750

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Cho kỳ kế toán từ ngày 19 tháng 7 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Năm nay	
Chi phí bán hàng	142.743.915.182	-
Chi phí hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi và môi giới	56.804.091.929	-
Chi phí lương	33.522.995.241	-
Chi phí vận chuyển	18.092.950.132	-
Chi phí khác	34.323.877.880	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	507.814.181.010	2.013.731
Chi phí lương	117.692.205.708	-
Phân bổ lợi thế thương mại	273.058.601.844	-
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	29.682.140.375	-
Chi phí thuê	11.566.429.038	-
Chi phí khác	75.814.804.045	2.013.731
TỔNG CỘNG	650.558.096.192	2.013.731

24. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Cho kỳ kế toán từ ngày 19 tháng 7 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Năm nay	
Thu nhập khác	138.572.572.591	-
Lãi từ giao dịch mua rẻ	136.168.048.127	-
Tiền bồi thường từ nhà cung cấp	694.635.901	-
Thu nhập khác	1.709.888.563	-
Chi phí khác	462.759.037	-
Chi phí khác từ thanh lý tài sản	123.410.428	-
Phạt thuế	21.670.519	-
Khác	317.678.090	-
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	138.109.813.554	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 19 tháng 7 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017
Chi phí mua hàng hóa	2.478.752.052.089	-
Chi phí mua nguyên vật liệu	445.126.769.367	-
Phân bổ lợi thế thương mại	273.058.601.844	-
Chi phí nhân công	191.242.216.418	-
Chi phí khấu hao và hao mòn	57.548.594.175	-
Chi phí khác	242.093.351.181	2.013.731
TỔNG CỘNG	3.687.821.585.074	2.013.731

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con thành lập tại Việt Nam có nghĩa vụ đóng thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất 20% đối với thu nhập chịu thuế.

ACC PTE thành lập tại Singapore có nghĩa vụ đóng thuế TNDN với mức thuế suất 17% và được hưởng các khoản ưu đãi thuế theo luật thuế hiện hành.

APIS được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho APIS trong bốn (4) năm tiếp theo đối với hoạt động sản xuất liên quan đến dự án đầu tư mới tại Khu Công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A. Trường hợp dự án đầu tư mới không có thu nhập chịu thuế trong ba (3) năm đầu kể từ năm đầu tiên có doanh thu thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư kể từ năm dự án đầu tư mới phát sinh doanh thu, tức là năm 2021.

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho các hoạt động chính của AFI là 15% thu nhập chịu thuế trong mười hai năm đầu tiên kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh (năm 2008) và theo mức thuế suất hiện hành trong các năm tiếp theo. Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho các hoạt động khác là 20% thu nhập chịu thuế. AFI được miễn thuế TNDN đối với các hoạt động chính trong ba năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2011), và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho AFI trong bảy năm tiếp theo.

ACP được miễn thuế TNDN trong hai (2) năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế TNDN phải nộp cho bốn (4) năm tiếp theo.

Báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ phải chịu sự kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 19 tháng 7 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017
Chi phí thuế TNDN hiện hành	73.228.969.741	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	385.315.495	-
	73.614.285.236	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	178.540.587	-
TỔNG CỘNG	73.792.825.823	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán từ ngày 19 tháng 7 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Năm nay	tháng 12 năm 2017
Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	273.913.178.551	(668.742.967)
Tại thuế suất TNDN theo thuế suất áp dụng cho các công ty trong Nhóm Công ty	40.341.866.188	(133.748.593)
<i>Điều chỉnh</i>		
Phân bổ lợi thế thương mại	27.378.110.743	-
Khấu hao và hao mòn của tài sản được đánh giá lại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	4.169.184.209	-
Chi phí không được trừ	2.367.059.281	133.748.593
Lãi chưa thực hiện	472.228.260	-
Khấu hao của tài sản hình thành từ giao dịch nội bộ	15.999.998	-
Thay đổi chi phí trích trước	(77.092.846)	-
Thay đổi các khoản dự phòng	(589.676.000)	-
Thuế được miễn giảm của công ty con	(177.257.888)	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	385.315.495	-
Sử dụng các khoản lỗ tính thuế năm trước chuyển sang	(2.077.487.410)	-
Lỗ tính thuế chưa được ghi nhận thuế hoãn lại	1.406.035.206	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	73.614.285.236	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả, cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 19 tháng 7 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017
Chênh lệch phát sinh do đánh giá lại tài sản hợp nhất công ty con	(26.705.583.022)	-	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	274.504.000	-	(26.193.000)	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	80.007.697	-	(43.420.293)	-
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	(520.062.706)	-	(520.062.706)	-
Lãi chưa thực hiện	488.228.258	-	488.228.258	-
Chi phí phải trả	(213.169.462)	-	(77.092.846)	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(26.596.075.235)	-	-	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			(178.540.587)	-

Chi tiết tình hình tăng (giảm) thuế TNDN hoãn lại phải trả trong năm:

	VND	
	Năm nay	Cho kỳ kế toán từ ngày 19 tháng 7 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017
Số đầu năm	-	-
Tăng do mua công ty con	(26.417.534.648)	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(178.540.587)	-
Số cuối năm	(26.596.075.235)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	VND	
				Cho kỳ kế toán từ ngày 19 tháng 7 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017	
Ông Nguyễn Bảo Tùng	Cổ đông lớn	Trả tiền gốc vay	72.000.000.000	-	
		Lãi vay đã trả	2.615.556.863	-	
		Chi phí lãi vay	1.653.500.001	-	
		Vay	-	72.000.000.000	

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, khoản phải trả với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn khác				
Ông Nguyễn Thiên Trúc	Cổ đông lớn/ Tổng Giám đốc	Mượn tiền	<u>57.000.000</u>	<u>-</u>

28. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng và nhà kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:


	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	13.247.605.595	-
Từ 1 đến 5 năm	24.748.567.709	-
Trên 5 năm	15.684.890.768	-
TỔNG CỘNG	<u>53.681.064.072</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 2 tháng 1 năm 2019, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 4.420.000 cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết vào Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn (tương ứng với 65% vốn điều lệ) từ ông Nguyễn Việt Hùng với giá chuyển nhượng là 97.500.000.000 VND theo hợp đồng mua cổ phần Á Châu Hoa Sơn ngày 26 tháng 12 năm 2018. Theo đó, Công ty đã nhận được giấy chứng nhận sở hữu cổ phần trong Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn vào ngày 2 tháng 1 năm 2019.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Trần Việt Hùng
Giám đốc Cung ứng

Ngày 2 tháng 4 năm 2019

